

Số: **500**/BC-STC

Hà Giang, ngày 04 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực X năm 2018 (kiểm toán ngân sách niên độ 2017)

Thực hiện Văn bản số 31/HĐND-VHXXH ngày 29/11/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Báo cáo một số nội dung liên quan trình kỳ họp thứ 11 – HĐND tỉnh;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Hà Giang của Kiểm toán nhà nước khu vực X;

Sở Tài chính Hà Giang báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước đến hết tháng 11/2019 như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

I. Văn bản đôn đốc

Ngay sau khi nhận được Báo cáo kết quả kiến nghị thực hiện Kiểm toán, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản số 2657-2670/STC-QLNS ngày 19/12/2018; 2796-2798/STC-QLNS ngày 28/12/2018; 2065-2075/STC-QLNS ngày 29/10/2019 gửi các đơn vị đôn đốc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực X năm 2017.

II. Tình hình thực hiện kiến nghị tài chính

1. Kiến nghị tăng thu ngân sách năm 2017:

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: 4.457.718.824 đồng; Số đã thực hiện 4.351.807.989 đồng, đạt 98% tổng kiến nghị kiểm toán.

Số chưa thực hiện: 105.910.835 đồng, chưa thực hiện được do chưa truy thu được của 03 đơn vị sau:

+ Công ty CP thủy điện Sông Lô: 43.968.312 đồng. Đơn vị không chấp nhận và giải trình như sau: Công ty CP thủy điện Sông Lô 4 là đơn vị nộp thuế tài nguyên nước vào NSNN thay cho Tổng Công ty điện lực Miền Bắc. KTNN khu vực X yêu cầu công ty nộp thuế tài nguyên cho phân sản lượng điện mà công ty không được bên mua thanh toán, đề nghị Cục Thuế tỉnh báo cáo giải trình cụ thể với KTNN.

+ Công ty TNHH Quốc Anh: 42.813.050 đồng, đơn vị chưa nộp trả ngân sách do có khó khăn về tài chính.

+ HTX Quỳnh Thụ: 19.129.473 đồng, hiện đơn vị đã tạm ngừng kinh doanh.

2. Kiến nghị thu hồi và giảm chi ngân sách nhà nước

Tổng số kiến nghị thu hồi và giảm chi ngân sách nhà nước: 60.001.513.868 đồng; Đã thực hiện: 51.207.203.937 đồng, đạt 85% số kiến nghị của kiểm toán. Số chưa thực hiện: 8.794.309.931 đồng, bao gồm các nội dung sau:

2.1. Kiến nghị thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai: chưa thực hiện 6.240.842.856 đồng, trong đó:

- BQL DA ĐTXD khu kinh tế: 5.916.533.120 đồng, chưa thực hiện do công trình chưa hoàn thành và chưa được bố trí đủ vốn.

- BQL DA ĐTXD huyện Bắc Mê: 13.057.303 đồng, BQL huyện đã có văn bản yêu cầu công ty CP TVĐTXD 68 nộp trả song đơn vị chưa thực hiện.

- BQL DA DDTXD huyện Yên Minh: 311.252.433 đồng, nguyên nhân chưa thực hiện: nhà thầu và đơn vị tư vấn chưa nộp tiền hoàn trả ngân sách. Đề nghị UBND huyện Yên Minh giảm trừ theo kiến nghị của KTNN khi thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

2.2. Kiến nghị giảm thanh toán, dự toán NSNN: chưa thực hiện 2.553.467.075 đồng, trong đó:

- BQL DA ĐTXD khu kinh tế: 124.981.000 đồng, nguyên nhân chưa thực hiện do vướng mắc việc chuyển đổi nhà thầu gói thầu xây lắp, thiết bị HM thoát nước thải và trạm xử lý nước thải. Đề nghị UBND tỉnh xem xét ý kiến của Tổ công tác theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 làm cơ sở để chủ đầu tư thực hiện.

- BQL DA ĐTXD huyện Bắc Mê (02 CT): 40.054.525 đồng, nguyên nhân chưa thực hiện do huyện chưa có biện pháp xử lý dứt điểm và phối hợp với các đơn vị hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh giảm trừ theo kiến nghị của KTNN.

- BQL DA ĐTXD huyện Yên Minh (03 CT): 2.388.431.550 đồng, nguyên nhân chưa thực hiện do các công trình đang hoàn thiện thủ tục quyết toán.

Đề nghị UBND huyện Yên Minh giảm trừ theo kiến nghị của KTNN khi thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

3. Kiến nghị khác

Tổng số kiến nghị khác của Kiểm toán Nhà nước khu vực X là 79.068.443.548 đồng, bao gồm các nội dung bổ sung hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công, hồ sơ quản lý chất lượng, thẩm định giá thiết bị, thẩm tra công nghệ, không có cơ sở tính giá, giảm thanh toán do sai khối lượng... Đến nay đã thực hiện bổ sung hồ sơ cho các dự án với giá trị quyết toán 78.253.045.373 đồng, đạt 99% số kiến nghị của kiểm toán.

Giá trị quyết toán các dự án chưa được bổ sung hồ sơ: 972.783.662 đồng, thuộc các dự án của BQL DA ĐTXD khu kinh tế tỉnh và BQL ĐTXD huyện Hoàng Su Phì.

(có biểu chi tiết kèm theo)

B. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

Tiếp tục đôn đốc các đơn vị dự toán, các huyện, các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc kết luận của kiểm toán, có biện pháp xử lý đối với các chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm túc theo kết luận của KTNN.

Sở Tài chính tỉnh Hà Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- TTr UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, TCĐT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phùng Thị Hoa

THỐNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2017 CỦA KTNN KHU VỰC X

(Kèm theo Báo cáo số **500** /BC-UBND ngày **04**/12/2019 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTNN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG KIẾN NGHỊ TÀI CHÍNH VÀ KIẾN NGHỊ KHÁC (A+B+C)	143.728.484.305		134.012.865.364	93	9.873.004.428		
	TỔNG KIẾN NGHỊ TÀI CHÍNH (A+B)	64.459.232.692		55.559.011.926	86	8.900.220.766		
A	KIẾN NGHỊ THU NGÂN SÁCH	4.457.718.824		4.351.807.989	98	105.910.835		
1	Văn phòng Cục Thuế	2.207.838.306		2.163.869.994	98	43.968.312	Cty thủy điện Sông Miện có khó khăn tài chính	Cục Thuế tỉnh có giải pháp tổ chức thực hiện nghiêm túc theo KL của KTNN
2	Chi cục Thuế huyện Bắc Mê	654.069.042		611.255.992	93	42.813.050	Công ty TNHH Quốc Anh có khó khăn tài chính	
3	Chi cục Thuế huyện Quản Bạ	341.586.675		322.457.202	94	19.129.473	HTX Quỳnh Thụ tạm ngừng kinh doanh	
4	Chi cục Thuế huyện Đồng Văn	299.507.854		299.507.854	100	0		
5	Chi cục Thuế huyện Yên Minh	301.759.009		301.759.009	100	0		
6	Chi cục Thuế huyện Vị Xuyên	152.822.027		152.822.027	100	0		
7	Chi cục Thuế huyện Hoàng Su Phì	299.327.846		299.327.846	100	0		
8	Đơn vị dự toán tỉnh	200.808.065		200.808.065	100	0		
B	KIẾN NGHỊ THU HỒI NỢP NSNN, GIẢM CHI	60.001.513.868		51.207.203.937	85	8.794.309.931		
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai	6.731.053.648		490.210.792	7	6.240.842.856		
1	Sở Khoa học và công nghệ	37.000.000	GNT ngày 26/12/2018	37.000.000	100	0		
2	Trường Chính trị tỉnh Hà Giang	96.437.000	GNT 03 ngày 29/12/2018	96.437.000	100	0		
3	BQLDA ĐTXD khu kinh tế	6.142.011.343		225.478.223	4	5.916.533.120		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	ĐA hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu cửa khẩu Thanh Thủy	99.636.002		99.636.002		0		
	ĐA Hạ tầng kỹ thuật KCN Bình Vàng (gd 1)	5.662.941.746		124.345.949		5.538.595.797	Công trình chưa hoàn thành, vẫn đang trong giai đoạn thi công và chưa được bố trí đủ vốn để thanh toán	Đề nghị tỉnh bố trí vốn để tiếp tục thi công thanh toán khối lượng còn lại, đồng thời thu hồi vốn theo kiến nghị của Kiểm toán
	ĐA: San ủi mặt bằng lô TM12 (Km311+347 đến Km311+367 QL2) và lô TM13 xã Thanh Thủy	1.496.272		1.496.272		0		
	ĐA: San ủi mặt bằng các lô đất 19, 20, 22 theo quy hoạch xây dựng khu KTK	377.937.323				377.937.323	Công trình chưa hoàn thành, vẫn đang trong giai đoạn thi công và chưa được bố trí đủ vốn để thanh toán	Đề nghị thu hồi từ dự án khác do Công ty Thọ Giang thi công trong địa bàn tỉnh
4	BQLDA ĐTXD huyện Đồng Văn: Kè chống sạt lở taluy dương khu dân cư đường vành đai trung tâm huyện lỵ Đồng Văn	131.295.569		131.295.569	100	0		
5	BQLDA ĐTXD huyện Bắc Mê: Kè chống sạt lở khu vực Nà Liễn, thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê	13.057.303			0	13.057.303	Huyện đã ban hành văn bản yêu cầu Cty CP TVĐTXD 68 yêu cầu nộp trả NSNN song đơn vị chưa thực hiện	UBND huyện chỉ đạo BQL DA ĐTXD thực hiện, nếu không thu hồi được sẽ thực hiện thu hồi từ các dự án khác
6	BQLDA ĐTXD huyện Yên Minh: Cải tạo nâng cấp đường từ xã Mậu Duệ đi xã Ngọc Long, huyện Yên Minh	311.252.433		0	0	311.252.433	Huyện đã chỉ đạo BQL DA ĐTXD huyện đôn đốc nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn nộp trả NSNN.	Nhà thầu xây lắp đề nghị kéo dài thời gian thu hồi
II	Nộp trả ngân sách	4.900.064.591		4.900.064.591	100	0		
1	Huyện Đồng Văn: nộp trả NS tỉnh KP Chương trình SEQAP do hết nhiệm vụ chi	18.460.591		18.460.591	100	0		
2	Huyện Hoàng Su Phì	4.881.604.000		4.881.604.000	100	0		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3.536.000.000		3.536.000.000		0		
	Phòng Lao động - TBXH huyện	1.284.000.000		1.284.000.000		0		
	Trạm khuyến nông huyện	12.000.000		12.000.000		0		
	Xã Thèn Chu Phìn: KPSN bổ sung có mục tiêu hỗ trợ mỗi xã XD 01 sản phẩm hàng hóa chính không sử dụng hết	50.000.000		50.000.000		0		
III	Giảm thanh toán, dự toán NSNN	35.289.094.255		32.735.627.180	93	2.553.467.075		
1	Chi thường xuyên: KP CCTL	10.595.211.881		10.595.211.881	100	0		
	TTDV tư vấn và hạ tầng KKT	1.047.365.432		1.047.365.432		0		
	Sở Tài chính	264.664.049		264.664.049		0		
	Sở Khoa học và công nghệ	17.646.000	2699/QĐ-UBND; 07/12/2018	17.646.000		0		
	Bệnh viện Y dược cổ truyền	976.400.000	TB 78/TB-STC; 21/01/2019	976.400.000		0		
	Bệnh viện phục hồi chức năng	101.200.000		101.200.000		0		
	Huyện Vị Xuyên	2.521.947.000		2.521.947.000		0		
	Huyện Bắc Mê	822.079.000	QĐ số 246/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh	822.079.000		0		
	Huyện Quản Bạ	517.157.000		517.157.000		0		
	Huyện Đồng Văn	595.389.000		595.389.000		0		
	Huyện Yên Minh	3.456.362.000		3.456.362.000		0		
	Huyện Hoàng Su Phì	275.002.400		275.002.400		0		
2	Kinh phí sự nghiệp	5.729.000		5.729.000	100	0		
	Sở Khoa học và công nghệ: chi thanh toán tiền đề tài sai đối tượng	5.729.000	2699/QĐ-UBND; 07/12/2018	5.729.000		0		
3	Giảm trừ dự toán ngân sách	1.871.221.000		1.871.221.000	100	0		
	Huyện Quản Bạ: chênh lệch giá dịch vụ y tế theo TTLT 37/2015/TTLT/BYT-BTC	1.871.221.000		1.871.221.000		0		
4	Chi đầu tư	22.816.932.374		20.263.465.299	89	2.553.467.075		
4.1	BQLDA ĐTXD khu kinh tế	2.418.292.053		2.293.311.053	95	124.981.000		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	DA: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu cửa khẩu Thanh Thủy	454.245.370		454.245.370		0		
	DA Hạ tầng kỹ thuật KCN Bình Vàng (gd 1)	71.284.398		71.284.398		0		
	DA San ủi mặt bằng lô TM12 (đoạn Km311 + 347 đến Km311+667 QL2) và lô TM 13 xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	673.793.449		673.793.449		0		
	DA Hạ tầng kỹ thuật KCN Bình Vàng (gd 1)	756.843.753		631.862.753		124.981.000	Do vướng mắc việc chuyển đổi nhà thầu gói thầu xây lắp, thiết bị HM thoát nước thải và trạm xử lý nước thải, đơn vị đã ban hành văn bản xin ý kiến UBND tỉnh.	Đề nghị UBND tỉnh xem xét ý kiến tham mưu của Tổ công tác (thành lập theo 789/QĐ-UBND ngày 25/4/2019), cho chủ trương làm cơ sở để Chủ đầu tư thực hiện.
	DA san ủi mặt bằng các lô đất 19, 20, 22 theo quy hoạch xây dựng khu KTCK Thanh Thủy	462.125.083	2109/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 phê duyệt QTDA	462.125.083		0		
4.2	BQLDA ĐTXD huyện Vị Xuyên	5.302.495.460		5.302.495.460	100	0		
	DA di dân ra khỏi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt thuộc khu rừng đặc dụng huyện Vị Xuyên (thuộc DA bảo tồn thiên nhiên - rừng đặc dụng Phong Quang)	1.128.673.926		1.128.673.926		0		
	Di chuyển dân cư sống sát khu biên giới thôn Nà La, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	523.104.850		523.104.850		0		
	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu tái định cư (gd II) KCN Bình Vàng, huyện Vị Xuyên	1.047.962.959		1.047.962.959		0		
	Nâng cấp, mở mới đường giao thông từ thôn Lũng Giàng A xã Phong Quang huyện Vị Xuyên đến thôn Pao Mã Phìn, xã Tả Ván, huyện Quản Bạ	2.602.753.725		2.602.753.725		0		
4.3	BQLDA ĐTXD huyện Đồng Văn	2.643.934.185		2.643.934.185	100	0		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Kè chống sạt lở taluy dương khu dân cư đường vành đai trung tâm huyện lỵ Đồng Văn	26.306.455		26.306.455	100	0		
	Cải tạo, nâng cấp đường Mã Sở xã Lũng Táo - Gi Thàng xã Ma Lé, huyện Đồng Văn	642.212.537		642.212.537		0		
	Kè chống sạt lở taluy dương khu dân cư đường vành đai trung tâm huyện lỵ Đồng Văn	1.343.632.988	QT A-B	1.343.632.988		0		
	Nâng cấp, mở mới đường ô tô từ TT UBND xã Lũng Thầu (Đồng Văn) đi Sủng Páo xã Hữu Vinh (Yên Minh)	631.782.205		631.782.205		0		
4.4	BQLDA ĐTXD huyện Hoàng Su Phì	3.904.230.841		3.904.230.841	100	0		
	Cầu treo thôn Xếp và đường dẫn 02 đầu cầu xã Dân Ván	44.195.291		44.195.291		0		
	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư, UBND xã, trường học xã Thàng Tín và kè chống sạt lở khu vực trường mầm non, trường THCS thôn Phủng Cá, xã Bàn Phủng	1.003.777.430		1.003.777.430		0		
	Nâng cấp đường du lịch từ trung tâm xã Nam Sơn đi khu di tích danh thắng ruộng bậc thang xã Hồ Thầu	1.990.265.693		1.990.265.693		0		
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Nậm Ty đi thôn Phìn Hồ, xã Tân Thành, huyện Bắc Quang	865.992.427		865.992.427		0		
4.5	BQLDA ĐTXD huyện Quản Bạ	3.734.666.447		3.734.666.447	100	0		
	Đường từ Bảo An đến Thượng Sơn, huyện Quản Bạ	271.055.686	PLHD 58/PLHD-XD; 20/8/2018	271.055.686		0		
	Hồ chứa nước Khung Nhung, xã Quản Bạ	146.949.747	PLHD 59/PLHD-XD; 20/8/2018	146.949.747		0		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTNN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Kè chống xói lở khắc phục thiên tai, mở rộng cửa thoát nước suối Cao Mã Pờ, xã Cao Mã Pờ	638.045.813	PLHĐ 57/PLHĐ-XD; 20/8/2018	638.045.813		0		
	Cải tạo, nâng cấp đường Đông Hà, Cán Tỷ đến Lao Và Chải, Yên Minh.	2.678.615.201	PLHĐ 96/PLHĐ-XD; 26/11/2018	2.678.615.201		0		
4.6	BQLDA ĐTXD huyện Bắc Mê	1.882.722.905		1.842.668.380	379	40.054.525		
	Kè chống sạt lở trung tâm xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê	416.073.803		416.073.803	100	0		
	Kè bảo vệ chống sạt lở TT huyện lỵ, huyện Bắc Mê (gd 1); Trong đó:	194.688.456	239/2019/PLHĐ-XL; 09/8/2019	154.633.931	79	40.054.525		
	+ Chi phí tư vấn lập dự án do Công ty cổ phần tư vấn XDNN&PTNT Thái Nguyên thực hiện	9.980.971				9.980.971	Huyện chưa có biện pháp xử lý dứt điểm và phối hợp với đơn vị thực hiện hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh giảm trừ theo Kết luận của KTNN	UBND huyện đã chỉ đạo BQL DA ĐTXD giải quyết trong tháng 12/2019
	+ Chi phí thẩm định thiết kế dự toán do Chi Cục Thủy lợi thực hiện	30.073.554				30.073.554		Đề nghị UBND huyện phối hợp thực hiện nghiêm túc và xử lý dứt điểm theo kết luận của KTNN
	Kè bảo vệ chống sạt lở thôn Nà Nền xã Yên Phú	221.212.920		221.212.920	100	0		
	Kè chống sạt lở khu vực Nà Liễn thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn	1.050.747.726	1019/QĐ-UBND; 25/4/2019	1.050.747.726	100	0		
4.7	BQLDA ĐTXD huyện Yên Minh	2.930.590.483		542.158.933	18	2.388.431.550		
	Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải trung tâm huyện	1.054.037.478				1.054.037.478	Công trình đang hoàn thiện các thủ tục quyết toán	Dự kiến hoàn thành trong tháng 12 năm 2019
	Cải tạo, nâng cấp đường từ xã Mậu Duệ đi xã Ngọc Long	547.355.473				547.355.473	Đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, lập QT A-B	Giao cho chủ đầu tư căn cứ kiến nghị KTNN giám sát giá trị

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nâng cấp, cải tạo đường Sùng Thái - Sùng Cháng	787.038.599				787.038.599	Đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, lập QT A-B	Kiểm tra giá trị trước khi trình phê duyệt thẩm tra QT.
	Nâng cấp, cải tạo đường từ Km98 (QL4C) TT thị trấn Yên Minh đi xã Ngam La	542.158.933		542.158.933		0		
IV	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	11.011.117.354		11.011.117.354	100	0		
1	BQL ĐTXD khu kinh tế tỉnh Hà Giang	8.426.187.642		8.426.187.642	100	0		
	ĐA Hạ tầng kỹ thuật KCN Bình Vàng (gd 1)	8.275.061.983		8.275.061.983		0		
	ĐA: San ủi mặt bằng lô TM12 (Km311+347 đến Km311+367 QL2) và lô TM13 xã Thanh Thủy	151.125.659		151.125.659		0		
2	BQLDA ĐTXD huyện Vị Xuyên	1.496.104.945		1.496.104.945	100	0		
	Di chuyển dân cư sống sát khu biên giới thôn Nà La, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	40.676.264		40.676.264		0		
	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu tái định cư (gd II) KCN Bình Vàng, huyện Vị Xuyên	1.455.428.681		1.455.428.681		0		
3	BQLDA ĐTXD huyện Quản Bạ	492.781.068		492.781.068	100	0		
	Hồ chứa nước Khung Nhung, xã Quản Bạ	18.445.224	PLHD 59/PLHD-XD; 20/8/2018	18.445.224		0		
	Kè chống xói lở khắc phục thiên tai, mở rộng cửa thoát nước suối Cao Mã Pờ, xã Cao Mã Pờ	474.335.844	PLHD 57/PLHD-XD; 20/8/2018	474.335.844		0		
4	BQLDA ĐTXD huyện Bắc Mê	596.043.699		596.043.699	100	0		
	Kè chống sạt lở khu vực Nà Liễn thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn	596.043.699		596.043.699		0		
V	Kiểm toán chuyên đề y tế	2.070.184.020		2.070.184.020	100	0		
1	Giảm thanh toán với Sở Y tế	1.934.556.367		1.934.556.367	100	0		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTTN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Cải tạo nâng cấp BV đa khoa khu vực Bắc Quang (gd 1)	593.312.878		593.312.878		0		
	Trạm y tế xã Tân Tiến, huyện Hoàng Su Phì	62.074.889		62.074.889		0		
	DA: TT chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Hà Giang. HM: cải tạo, xây mới nhà làm việc của các hạng mục phụ trợ	394.568.239		394.568.239		0		
	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế tại BV các huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang	582.076.639		582.076.639		0		
	Cải tạo, nâng cấp TT y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	178.941.846		178.941.846		0		
	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải BV tỉnh Hà Giang (gd 2: BVĐK Đồng Văn, BVĐK Nà Chì, BVĐK huyện Quang Bình, BV Lao và bệnh phổi)	123.581.876		123.581.876		0		
2	Giảm giá trúng thầu: Sở Y tế	43.529.653		43.529.653	100	0		
	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tỉnh Hà Giang (Gd 1: BVĐK KV Bắc Quang, BVĐK KV Hoàng Su Phì)	43.529.653		43.529.653		0		
3	Kiến nghị khác: Sở Y tế	92.098.000		92.098.000	100	0		
	DA TT chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Hà Giang. HM: Cải tạo, xây mới nhà làm việc của các hạng mục phụ trợ.	92.098.000		92.098.000		0		
C	KIẾN NGHỊ KHÁC	79.068.443.548		78.253.045.373	99	972.783.662		
1	BQL DA ĐTXD khu kinh tế tỉnh Hà Giang	68.897.862.229	Đơn vị đã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo kiến	68.186.920.363	99	710.941.866		
2	BQL ĐTXD huyện Vị Xuyên: thu hồi CP tạm ứng vẫn kiểm định chất lượng do TỰ quá hạn không có khối lượng thực hiện.	100.000.000		100.000.000	100	0		
3	BQL ĐTXD huyện Hoàng Su Phì	591.201.397	0	486.745.088	82	104.456.309		

STT	Nội dung	Số kiến nghị của KTNN	Số đã thực hiện			Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	Giải pháp
			Số chứng từ thực hiện	Số tiền	Tỷ lệ đạt (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nâng cấp đường du lịch từ trung tâm xã Nam Sơn đi khu di tích danh thắng ruộng bậc thang xã Hồ Thầu: không có cơ sở tính giá đá thải đắp lề	385.844.225		385.844.225		0		
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Nậm Ty đi thôn Phìn Hồ, xã Tân Thành, huyện Bắc Quang: không có cơ sở tính giá đá thải đắp lề	205.357.172		100.900.863		104.456.309	Công trình đang lập hồ sơ quyết toán	Giám trừ theo QT A-B, dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2019
4	BQL DA ĐTXD huyện Quản Bạ	171.311.674		171.311.674	100	0		
	Cải tạo, nâng cấp đường Đông Hà, Cán Tỷ đến Lao Và Chải, Yên Minh: bản vẽ không đủ kích thước để xác định khối lượng đào đá, chưa đủ điều kiện thanh quyết toán	171.311.674		171.311.674		0		
5	BQL DA ĐTXD huyện Bắc Mê	9.308.068.248		9.308.068.248	100	0		
	Kè chống sạt lở khu vực Nà Liễn thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn: không có kích thước chi tiết hạng mục bậc lên xuống	9.308.068.248		9.308.068.248		0		
	<i>Giá trị quyết toán A-B: thiếu hồ sơ nghiệm thu chi tiết đối với chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công</i>	<i>1.221.228.402</i>		<i>1.221.228.402</i>		0		
	<i>Giá trị hợp đồng còn lại</i>	<i>8.086.839.846</i>		<i>8.086.839.846</i>		0		
6	BQL DA ĐTXD huyện Yên Minh	157.385.487		0		157.385.487		
	Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải trung tâm huyện: thanh toán vượt giá trị nghiệm thu, QT A-B	11.278.065				11.278.065	Đơn vị thực hiện gói thầu bảo hiểm chưa nộp trả	Đề nghị UBND huyện phối hợp thực hiện nghiêm túc theo kiến nghị của KTNN
	Nâng cấp, cải tạo đường Sùng Thái - Sùng Cháng: chưa có biên bản làm việc giữa các bên để khắc phục thiệt hại sạt lở, chưa xác định được giá trị thiệt hại của nhà thầu bảo hiểm	146.107.422				146.107.422	Đơn vị bảo hiểm đã thanh toán, chủ đầu tư đề nghị giữ lại gói thầu bảo hiểm.	